

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: 71/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hành Sơn, ngày 09 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trương Văn N, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 06, phường Kh, quận Ng, thành phố Đ và bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 58, phường H, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Trương Văn N và bà Ngô Thị Thanh T kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều điểm không hợp nhau, tính tình quan điểm sống khác nhau dẫn đến hay cãi vã xích mích lẫn nhau. Nay ông N và bà T xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn

giữa ông N và bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông N và bà T xác định có 01 con chung Trương Anh Kh, sinh ngày 21/11/2017 thuận tình ly hôn, ông bà thỏa thuận: Giao con chung Trương Anh Kh, sinh ngày 21/11/2017 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà T xác định không có.

[4] Nợ chung: Ông N và bà T xác định không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000đ, ông N và bà T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007031 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông N và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn N và bà Ngô Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Trương Anh Kh, sinh ngày 21/11/2017 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung: Ông N và bà T xác định không có.

- Nợ chung: Ông N và bà T xác định không có.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000đ, ông N và bà T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007031 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông N và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP ĐN.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2018,
đăng ký ngày 17/5/2018).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh